

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/ HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông RCom Blan

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Minh D, địa chỉ: địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Minh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y theo Giấy đăng ký kết hôn số 01 ngày 16/5/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì vấn đề kinh tế gia đình. Anh D là người làm ra tiền, chị T làm nội trợ nên anh D thường xuyên uống rượu về nói chị T ăn bám dẫn đến tranh cãi và có xảy ra xô xát. Hai vợ chồng sống ly thân từ ngày 20/01/2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau, không còn khả năng đoàn tụ. Do vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Minh D có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 20/11/2014 và cháu Trần Thị Thiên D1, sinh ngày 21/02/2019. Ly hôn, chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu giao cháu Trần Nguyễn Anh K cho chị Nguyễn Thị Bích T và giao cháu Trần Thị Thiên D1 cho anh Trần Minh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến

khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là anh Trần Minh D đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng anh Trần Minh D cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của anh Trần Minh D.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 Giấy chứng nhận kết hôn; 01 Đơn xin xác nhận; 01 Chứng minh nhân dân; 02 Giấy khai sinh; 01 bản tự khai; 01 biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên; 03 Biên bản xác minh của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Minh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y theo Giấy đăng ký kết hôn số 01 ngày 16/5/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì vấn đề kinh tế gia đình. Anh D là người làm ra tiền, chị T làm nội trợ nên anh D thường xuyên uống rượu về nói chị T ăn bám dẫn đến tranh cãi và có xảy ra xô xát. Hai vợ chồng sống ly thân từ ngày 20/01/2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Anh Trần Minh D không tham gia các phiên hòa giải để đoàn tụ và tại phiên tòa cũng vắng mặt, điều đó cho thấy anh D không có ý thức chấp hành pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Minh D có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 20/11/2014 và cháu Trần Thị Thiên D1, sinh ngày 21/02/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu giao cháu Trần Nguyễn Anh K cho chị Nguyễn Thị Bích T và giao cháu Trần Thị Thiên D1 cho anh Trần Minh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với ý kiến của con, anh D không có ý thức chấp hành pháp luật, không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung của chị T. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Minh D.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Minh D là cháu Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 20/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Bích T và giao cháu Trần Thị Thiên D1, sinh ngày 21/02/2019 cho anh Trần Minh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bích T chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp

theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008473 ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THA dân sự huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính